

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH T**

Bản án số: 01/2024/HS-ST
Ngày 16- 01- 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH T

Phiên toà diễn ra tại các điểm cầu:

*** Điểm cầu trung tâm:**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt;

Nghề nghiệp: Giáo viên trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT L, tỉnh T.

2. Ông Thẩm Văn Minh;

Nghề nghiệp: thành viên Hội sinh vật cảnh huyện L, tỉnh T

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Cấn Trường Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Nga- Kiểm sát viên.

*** Điểm cầu thành phần, những người hỗ trợ tổ chức phiên tòa:**

- Những người tiến hành tố tụng: Ông Nguyễn Xuân Huy- Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh T.

- Những người tiến hành tố tụng khác: Các cán bộ chiến sỹ Công an huyện L; Trại tạm giam Công an tỉnh T

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm tổ chức tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T và 01 điểm cầu thành phần tổ chức tại phòng xét xử Trại tạm giam Công an tỉnh T. Tòa án nhân dân huyện L đưa ra xét xử sơ thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 33/2023/HSST ngày 20 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Đ V D (tên gọi khác: không), sinh năm 2004, tại: huyện L, tỉnh T; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Khu B 1, xã L, huyện L, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đinh Văn N, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/11/2023. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh T (Có mặt).

- **Bị hại:** Cháu Hà Thị K L, sinh ngày 15/11/2008

Địa chỉ: khu V, xã K, huyện L, tỉnh T (Có mặt).

- **Người đại diện theo pháp luật cho cháu L:** Ông Hà H S, sinh năm 1985. Địa chỉ: khu V, xã K, huyện L, tỉnh T (là bố đẻ cháu L- Có mặt).

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu L:** Bà Đỗ Hồng Nhung- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh T (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 9 năm 2023, thông qua mạng xã hội Facebook, Đ V D, sinh năm 2004, HKTT: Khu Đá Bàn 1, xã L, huyện L (D dùng Tài khoản facebook là Dungx Anh) có quen biết với cháu H T K L, sinh ngày 15/11/2008; HKTT: Khu V, xã K, huyện L (Cháu L dùng Tài khoản facebook là L Hà). Buổi chiều ngày 11/9/2023 D rủ cháu L tới đến nhà anh Trần Văn Anh, sinh năm 2006 ở khu Đá Bàn 2, xã L, huyện L chơi, cháu L đồng ý. Đến khoảng gần 21 giờ cùng ngày thì cháu L cùng bạn là Nguyễn Thị Thảo - sinh ngày 19/6/2008; HKTT: khu Thống Nhất, xã Đồng Thịnh, huyện L đến nhà anh Anh chơi cùng với D. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày khi Thảo và L chuẩn bị ra về thì D rủ cháu L ở lại chơi, D sẽ đưa cháu L về sau, cháu L đồng ý. Lúc này mọi người đều đi chơi hết, chỉ còn lại D và cháu L thì D và cháu L đi vào phòng ngủ nằm nói chuyện với nhau, được một lúc thì D nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục với cháu L nên quay sang ôm, hôn cháu L, cháu L ôm hôn lại D. D dùng tay phải sờ vú của cháu L, sau đó tiếp tục cho tay phải xuống sờ âm hộ của cháu L. Lúc này cháu L cũng cho tay xuống sờ dương vật của D. Sau đó Cháu L tự cởi quần đùi, quần lót của mình ra, D tự cởi quần lửng, quần lót của mình ra và nằm ngửa ra giường, D bảo cháu L ngồi lên phía trên người D, cháu L đồng ý. Khi cháu L ngồi lên người D thì D dùng tay phải cầm dương vật đã cương cứng đưa vào âm hộ của cháu L để thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu L. D thực hiện hành vi quan hệ tình dục (giao cấu) với cháu L khoảng 10 phút thì D cảm thấy mệt và không xuất tinh được nên không quan hệ tình dục với cháu L nữa. Sau đó D tự mặc quần áo của mình rồi nằm ngủ, còn cháu L tự mặc quần áo của cháu L rồi ra về (Thời điểm này cháu L mới được 14 năm 9 tháng 26 ngày tuổi). Đối với cháu H T K L sau khi về nhà, anh H H S - sinh năm 1981 (là bố đẻ cháu L) thấy cháu L có biểu hiện bất thường nên đã gắng hỏi và cháu L kể lại việc ngày 11/9/2023 có quan hệ tình dục với Đ V D- sinh năm 2004 HKTT: Khu Đá Bàn 1, xã L, huyện L. Ngày 15/9/2023, anh S đã làm đơn tố cáo hành vi của D đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L giải quyết.

Để có căn cứ cho việc điều tra, giải quyết vụ án, ngày 15/9/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã trưng cầu Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành giám định tổn thương bộ phận sinh dục của cháu H T K L.

Tại Bản kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em số 56/KLTDTE - PYVP ngày 18/9/2023 của trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận như sau:

- Trên cơ thể không có dấu vết tổn thương, xé: 00%,
- Màng trinh của cháu H T K L rách cũ ở vị trí 03 giờ và 09 giờ,
- Xét nghiệm máu hiện tại âm tính với HIV,
- Hiện tại không có thai,
- Không tìm thấy xác tình trùng trong dịch âm hộ, âm đạo của cháu H T K L.

Ngày 03/11/2023, Cơ quan điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Đ V D về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo quy định tại khoản 1 Điều 145 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay Đ V D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như đã trình bày ở trên. Lời khai của D phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm diễn biến hành vi phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, D và cháu L cũng trình bày: Việc D giao cấu với cháu L là cháu L hoàn toàn tự nguyện, D không cưỡng ép gì và L cũng không có lời nói hay hành vi gì phản đối, chống cự lại D. Hành vi quan hệ tình dục của D (giao cấu) với cháu L 01 lần như trên, với mục đích thỏa mãn về nhu cầu sinh lý.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKSYL- HS ngày 18/12/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo Đ V D về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo khoản 1 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị:

Căn cứ khoản 1 Điều 145; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử:

– Về tội danh: Tuyên bị cáo Đ V D phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”

- Về hình phạt: Phạt bị cáo Đ V D từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 03/11/2023.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc Đ V D bồi thường cho cháu H T K L một khoản tiền tương ứng với 10 tháng lương cơ sở, để bù đắp tổn thất về tinh thần cho cháu L = 1.800.000đ/tháng lương x 10 tháng lương cơ sở = 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

- *Về án phí:* Bị cáo D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong án hình sự. Tổng là 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng).

* Tại phiên toà cháu H T K L và ông H H S là người đại diện hợp pháp của cháu L có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Đ V D phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho cháu L theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường khoản tiền gì khác.

*** *Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Bà Đỗ Hồng Nhung trình bày:***

Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ V D là người đã thành niên, có hành vi quan hệ tình dục với cháu L 01 lần tại nhà của anh Trần Văn Anh. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe và tự do tình dục của cháu L, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của cháu L nhất là sức khỏe sinh sản của cháu L. Hơn nữa hành vi của bị cáo đã xâm phạm tới danh dự, nhân phẩm, uy tín của cháu L. Đề nghị Hội đồng xét xử ra một bản án nghiêm khắc với mức hình phạt phù hợp nhằm giáo dục chung và phòng ngừa riêng trong xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: bà đại diện cho bị hại là cháu H T K L đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 592 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Đ V D phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho cháu L với mức bồi thường phù hợp.

Không ai có ý kiến tranh luận gì khác.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo biết hành vi phạm tội của bị cáo là sai và vi phạm pháp luật, bị cáo xin gửi lời xin lỗi tới cháu L và gia đình cháu L. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. *Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:*

Đ V D là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng đã có hành vi giao cấu với cháu L, sinh ngày 15/11/2008, xảy ra vào ngày 19/6/2023, tại thời điểm cháu L được 14 tuổi 09 tháng 26 ngày. Trước, trong và sau khi giao cấu với cháu L, Đ V D không có lời nói, hành động thể hiện dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực để giao cấu với cháu L, bản thân cháu L cũng không có lời nói, hành động chống trả, ngăn cản việc D giao cấu với mình mà thể hiện sự đồng thuận.

Do đó, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Đ V D đã phạm vào tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo quy định tại khoản 1 Điều 145 BLHS.

khoản 1 Điều 145 Bộ luật Hình sự quy định:

“ 1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Tính chất của vụ án là nghiêm trọng bởi hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây nguy hại rất lớn cho xã hội, hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về danh dự, nhân phẩm, sức khỏe của trẻ em được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu trong nhân dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Nhưng khi lượng hình, Hội đồng xét xử, xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Trước khi phạm tội bị cáo Đ V D chưa có nhân thân, chưa có tiền án, tiền sự, việc phạm tội xuất phát từ tình cảm yêu đương giữa nam nữ và do sự thiếu hiểu biết. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, để giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh tài sản, thu nhập của bị cáo tại địa phương thấy rằng: Bị cáo Đ V D sống cùng mẹ đẻ, bị cáo lao động tự do, thu nhập

không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, cháu H T K L và ông H H S là người đại diện hợp pháp của cháu L yêu cầu bị cáo D phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho cháu L theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, yêu cầu bồi thường của cháu L và ông S là có căn cứ nên buộc bị cáo Đ V D phải bồi thường một khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần cho cháu H T K L tương ứng với 10 tháng lương cơ sở = 1.800.000đ/tháng lương x 10 tháng lương cơ sở = 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

[7]. Về án phí: Buộc bị cáo Đ V D phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm trong án hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 145; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đ V D phạm tội "*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*".

Xử phạt: Bị cáo Đ V D 24 (Hai bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 03/11/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 592 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đ V D phải bồi thường về tổn thất về tinh thần cho cháu H T K L số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên mà người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thoả thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự, nếu các bên không thoả thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c Khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đ V D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong án hình sự. Tổng cộng là: 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7 a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo; Bị hại; Người đại diện hợp pháp của bị hại; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đều có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Hồ sơ công tác THAHS;
- UBND xã L;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thảo

